

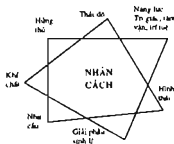
ĐỀ XUẤT HỆ THỐNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ NHÂN CÁCH HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THEO QUAN ĐIỂM GIÁO DỤC TOÀN DIỆN

TS. DƯƠNG THỊ HOÀNG YẾN*

Con người và nhân cách là những khái niệm trung tâm của tâm lý học xưa và nay. Có nhiều khoa học khác nhau nghiên cứu về con người và nhân cách. Tâm lý học là một khoa học nghiên cứu về những hiện tượng tâm lý khác nhau của con người.

1. Có nhiều quan niệm tâm lý học khác nhau về con người và nhân cách con người

Các nhà tâm lý học Xô Viết (Ananiép, Bódanikop, Dvoriasina, Palai) đã đề xuất mô hình các đặc trưng của con người bao gồm hai bản thể: *bản thể tự nhiên* (cá nhân) và *bản thể xã hội* (nhân cách) với tư cách là chủ thể hoạt động có những *năng lực* ở các mức độ khác nhau.



Mô hình cấu trúc nhân cách của Guilford (1957)

Nhân cách vừa mang đặc tính tâm lý vừa mang đặc tính xã hội. Con người, vì vậy có vị thế và chức năng xã hội xác định, có *thái độ xã hội* xác định trong hoạt động tương tác với môi trường xã hội.

Vào năm 1964, nhà tâm lý học Mỹ Guilford đề xuất mô hình nhân cách con người (xem *mô hình*). Nhân cách theo mô hình Guilford bao gồm những thuộc tính quan trọng, chủ chốt là *thái độ* và *năng lực*. Tất nhiên, nhân cách đó tồn tại trong một *tổ chức cơ thể* với hình thái và đặc điểm sinh lý giải phẫu xác định.

Theo quan niệm của nhà tâm lý học Frangischwilli (Đức), nhân cách con người nói cho cùng bao gồm hai hệ thống lớn quan trọng là hệ thống *thái độ* và hệ thống *năng lực*. Dĩ nhiên, nhân cách tồn tại trong một cái giá đỡ nó, đó chính là *tổ chức cơ thể* của con người.

Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở chúng ta, người cán bộ phải *có đức* và *có tài*. Theo đạo đức học cộng sản, một hành vi hoạt động là có đạo đức hay không tùy thuộc nó có ý nghĩa thúc đẩy xã hội tiến lên theo hướng tích cực hay không. Như vậy, người có đạo đức là người có *thái độ xã hội* đồng thuận với sự phát triển của xã hội tiến bộ.

2. Từ những quan niệm trên đây, có thể nói thái độ xã hội, các năng lực và thể chất con người (hình thái, giải phẫu sinh lý, v.v...) là ba hệ thống thuộc tính quan trọng, bao trùm của con người. Muốn đánh giá về con người nói chung, người học nói riêng cần phải đánh giá về tất cả 3 mặt trên. Từ quan niệm này, đề tài "*Đánh giá học sinh theo quan điểm giáo dục toàn diện*" (B2009-17-173TD) đề xuất 6 nhóm tiêu chí đánh giá nhân cách học sinh THPT Việt Nam theo quan điểm giáo dục toàn diện hiện nay:

1) **Khuyh hướng tư tưởng - chính trị**, bao gồm: - Yêu nước Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt nam; - Có khuyh hướng quốc tế vô sản và có thái độ không khoan nhượng đối với chủ nghĩa thực dân và các dạng hiện tượng của nó; - Sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; - Đấu tranh công khai với những ảnh hưởng của đối phương; - Yêu lao động, có đạo đức, kỉ luật cao trong lao động và học tập; - Tôn trọng tài sản XHCN và người lao động; - Nhiệt tâm và tích cực trong đấu tranh để thực hiện cái mới; - Có trách nhiệm đối với tập thể, đặt quyền lợi cá nhân dưới quyền lợi của tập thể; - Tiếp nhận tích cực và có ý thức tri thức và khả năng cao và sẵn sàng vận dụng một cách sáng tạo chúng và luôn khơi sâu thêm; - Chăm chỉ, có lòng tâm, yêu trật tự ngăn nắp, đáng tin cậy trong cuộc sống hàng ngày.

2) Thái độ xã hội

Thái độ đối với bản thân: - Sự đánh giá hành vi bản thân và thành tích bản thân; - Tương quan giữa ý muốn và khả năng; - Phản ứng đối với phê bình và kích thích giáo dục; - Sự bộc lộ những thuộc tính như tự phê bình, tự tin, khiêm tốn, nhút nhát, tự hào, ích kỉ.

Thái độ đối với người khác: - Thái độ trong tập thể học sinh và trong những nhóm xã hội khác; - Thái độ đối với thành tích và phương thức hành vi tốt và xấu của người khác; - Thái độ đối với người lao động, đặc biệt đối với công nhân, nông dân; - Thái độ đối với

* Khoa Quản lý giáo dục, Trường Đại học sư phạm Hà Nội

giáo viên: thừa nhận quyền uy, tôn trọng, tôn sùng, chống đối, sợ hãi, bình đẳng; - Sự thể hiện những thuộc tính như: sẵn sàng giúp đỡ, cởi mở, bạn hữu, hiền lành, tôn trọng, chia sẻ, kín đáo, thô lỗ, bất kính, đố kỵ, niềm tin hỗn hợp.

3) Đặc điểm trí tuệ, xúc cảm và ý chí: - Phương cách nhận thức: nhanh, chậm, cơ bản sâu sắc, hơi hợt bề ngoài, có cái nhìn về các quan hệ, vì cái bản chất, vì cái năng lực; - Năng lực quan sát: cơ bản sâu sắc, phân biệt, bề ngoài, rộng, tự lập, không tự lập, nhiều mặt, bó hẹp; - Năng lực chú ý: tập trung, kéo dài, có thể thay đổi lại dễ hay khó, có thể dễ hay khó làm lệch chủ ý, phân tán, dễ hay khó thích ứng, khác nhau trong những hoạt động khác nhau; - Học tập và trí nhớ: học nhanh, chậm, có ý nghĩa, cơ học, nhớ lâu, nhanh quên, tái hiện chính xác, đầy đủ, thiếu chính xác, có lỗ hổng, cần ít hay nhiều kích thích học tập, mức độ học tập có ý thức; - Ham muốn thành tích, quá hăng hái, hăng hái, hiểu thẳng, bình tĩnh, thờ ơ lãnh đạm, không có niềm vui, nghèo lực thúc đẩy, thấp kém, loại kiểu động cơ; - Tư duy: rộng, tinh quyết định và tinh sẵn sàng áp dụng trí thức, trình độ phân tích và tổng hợp, tinh rõ ràng của khái niệm, tinh đáng tin trong đánh giá và rút ra kết luận cuối cùng, nhận ra các quan hệ, sự vượt trội của yếu tố cụ thể thực quan hay của yếu tố logic - ngôn ngữ, năng lực phê phán, tinh độc lập đánh giá, sống động và tương tượng độc đáo; - Xúc cảm: tinh để giao tiếp, sâu sắc, phong phú, kiên định, lễ nhị, kém nhạy cảm và nhạy cảm, hình thức thể hiện, mức độ phân biệt, sự chu đáo của tinh cảm đạo đức - chính trị; - Hưng thú: hưng thú chính - phụ, tinh thường xuyên, mức độ ý thức của hưng thú, hướng, độ sâu, độ phân chia, tinh một mặt, tác động thúc đẩy; - Ý chí: ý thức mục đích và thúc đẩy mục đích, tinh vui vẻ quyết định và tinh nhanh chóng quyết định, tinh tự lập, tinh có thể tác động, tự chủ, kiên trì, tinh chủ động, tinh sáng tạo, tinh thận trọng, tinh ục chế, thái độ khi gặp khó khăn.

4) Thái độ học tập và lao động: - Hiểu nhiệm vụ: nhanh và đầy đủ, chậm, không đầy đủ, thiếu ngay cả khi được giải thích và hỗ trợ; - Kế hoạch công việc: kế hoạch đầy đủ, linh hoạt, có mục đích, chi tiết, không linh hoạt, cứng nhắc, không kế hoạch; - Bắt đầu công việc: không thuận thực, quá sốt sắng, vui vẻ, dửng dưng, điềm tĩnh, thờ ơ, không có niềm vui; - Thái độ lao động: không suy nghĩ, tự ý thức, có suy nghĩ, không chắc chắn, sợ hãi; - Nhịp độ làm việc: hấp tấp, tích cực năng động, liên tục, chậm; - Thực hiện công việc: không trật tự, không hiệu quả, không chắc chắn, quá rộng lớn, cẩn thận, cố chấp; - Sự mệt mỏi; - Thái độ: có lương tâm, đáng tin, đúng giờ, sạch sẽ, kiên trì.

5) Quan hệ gia đình: - Hoàn cảnh tư tưởng chính trị trong gia đình: thái độ đối với mục đích giáo dục XHCN, đối với chính sách giáo dục, chính sách nhà trường ở nước ta; - Mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái: quyền uy, hợp lý, trừng phạt, thông nhất, bạn bè...; - Truyền thống, thói quen, tiếng tăm của gia đình và tác động của nó đến giáo dục con.

6) Bức tranh về thể chất của học sinh: - Cao và nặng liên quan đến tuổi; - Dạng cơ thể: gầy, béo, hài hoà...; - Tình trạng dinh dưỡng: rất tốt, tốt, đủ, kém, thiếu dinh dưỡng; - Làm chủ cơ thể và vận động cơ thể (Motorik): làm chủ, hoà hợp, khéo léo, sống động, vụng về, ục chế, chậm chạp, uể oải, co giật, lóng ngóng; - Biểu cảm nét mặt và cử chỉ điệu bộ: sống động, biểu cảm tốt, kiểm chế, thiếu kiểm chế, không biểu cảm, không chia sẻ, tương đối không vận động, kích động hay không kích động; - Phương thức nói: to, nhẹ, rõ, sáng sủa, thiếu tự tin, giận dữ, hấp tấp, giắt cục, ấp úng, ồn ào, vụng về, nhát gừng; - Y phục, tinh sạch sẽ: chính tề, chải chuốt, đơm đàng, luộm thuộm, trẻ nãi, sạch sẽ, cầu bản. Sự ảnh hưởng nặng của học sinh vào tình trạng bên ngoài của nó; - Những đặc điểm thể chất: thiếu giác quan, tật ngôn ngữ, tật cơ thể, thuận tay trái...

3. Một trong những mục tiêu cơ bản của giáo dục trung học phổ thông (THPT) căn hướng tới là đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá học sinh hướng tới việc giáo dục phát triển toàn diện cho học sinh; nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam. Tuy nhiên, hiện nay việc đánh giá sản phẩm giáo dục (học sinh) nói chung, học sinh THPT nói riêng được căn cứ vào kết quả học tập và xếp loại đạo đức. Để đánh giá học sinh THPT một cách toàn diện hơn, đề tài B2009-17-173TD đã xây dựng công cụ đánh giá một số mặt của nhân cách học sinh THPT theo xu thế sử dụng các trắc nghiệm nhiều mặt, liên hợp hóa hay các tổng nghiệm (Test Battenes). Mỗi tổng nghiệm bao gồm nhiều tiểu nghiệm (Subtests), mỗi tiểu nghiệm lại bao gồm nhiều bài tập (Items).

Việc soạn thảo, thiết kế trắc nghiệm được thực hiện theo 3 bước sau:

Bước 1: Sau khi xác định rõ mục tiêu, nội dung đo lường, lập danh sách các chỉ báo được đánh giá dưới dạng các câu hỏi.

Bước 2: Lựa chọn kiểu item và hình thức item thích hợp cho trắc nghiệm đánh giá các mặt nhân cách (ki năng xã hội, thái độ xã hội, động cơ...)

Bước 3: Xác định thời gian tối thiểu, tối đa cho từng item và cả thang đo; xác định các thông số

(Xem tiếp trang 21)